

PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

Dự án: Tuyến đường số 7 đô thị Lam Sơn - Sao Vàng (tọa độ 3)

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-HĐBT.HT&TĐC ngày / /2026)

1. Hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)**

- Số định danh cá nhân: 038158026567, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **167**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **400,5 m²**, Diện tích thu hồi: **8,7 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **8,7 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo NĐ 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **2.229,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **2.229,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **25,4 %**

Số khẩu nông nghiệp: **5** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)** là: **8.448.450 đồng** (bằng chữ: Tám triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		391.500
-	Loại đất: LUC	m ²	8,7	45.000	1		391.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	73.950
	Lúa vụ xuân	m ²	8,7		1	8.500	73.950
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		783.000
-	Loại đất: LUC	m ²	8,7	45.000	2		783.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	7.200.000
		25,39	5	30	3	16.000	7.200.000
C	Tổng số tiền						8.448.450

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **8.448.450 đồng** (bằng chữ: Tám triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

2. Hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)**

- Số định danh cá nhân: 038158026567, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **165**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **720,5 m²**, Diện tích thu hồi: **76,7 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **76,7 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: m²;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: m²; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)** là: **11.006.450 đồng** (bằng chữ: Mười một triệu, không trăm linh sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		3.451.500
-	Loại đất: LUC	m ²	76,7	45.000	1		3.451.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	651.950
	Lúa vụ xuân	m ²	76,7		1	8.500	651.950
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		6.903.000
-	Loại đất: LUC	m ²	76,7	45.000	2		6.903.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/ khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnoch)	
C	Tổng số tiền						11.006.450

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **11.006.450 đồng** (bằng chữ: Mười một triệu, không trăm linh sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

3. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)

- Số định danh cá nhân: 038158026567, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **166**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **416,8 m²**, Diện tích thu hồi: **111,7 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **111,7 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: m²;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: m²; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)** là: **16.028.950 đồng** (bằng chữ: Mười sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		5.026.500
-	Loại đất: LUC	m ²	111,7	45.000	1		5.026.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	949.450
	Lúa vụ xuân	m ²	111,7		1	8.500	949.450
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		10.053.000
-	Loại đất: LUC	m ²	111,7	45.000	2		10.053.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnòđ)	
C	Tổng số tiền						16.028.950

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **16.028.950 đồng** (bằng chữ: Mười sáu triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

**Dự án: Tuyến đường số 7 đô thị Lam Sơn - Sao Vàng,
xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa (tờ Đ) 3)**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-HĐBT.HT&TĐC ngày / /2026)

4. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)

- Số định danh cá nhân: 038158026567, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **152**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **NTS**, Diện tích nguyên thửa: **368,9 m²**, Diện tích thu hồi: **368,9 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **368,9 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: m²;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: 0 m²;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: m²; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: khẩu; Vị trí: 1

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bùi Thanh Bình)** là: **49.063.700 đồng** (bằng chữ: *Bốn mươi chín triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm đồng*), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		14.756.000
-	Loại đất: NTS	m ²	368,9	40.000	1		14.756.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	4.795.700
	Hỗ trợ cá (nuôi quảng canh cải tiến)	m ²	368,9		1	13.000	4.795.700
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		29.512.000
-	Loại đất: NTS	m ²	368,9	40.000	2		29.512.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
C	Tổng số tiền						49.063.700

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **49.063.700 đồng** (bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

5. Hộ gia đình Ông (bà): Trần Thị Xuân (Nguyễn Hữu Chính)

- Số định danh cá nhân: 038171008590, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **141**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **471,9 m²**, Diện tích thu hồi: **471,9 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **471,9 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **1.701,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **1.701,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **27,7 %**

Số khẩu nông nghiệp: **8** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Trần Thị Xuân (Nguyễn Hữu Chính)** là: **67.717.650 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, sáu trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		21.235.500
-	Loại đất: LUC	m ²	471,9	45.000	1		21.235.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	4.011.150
	Lúa vụ xuân	m ²	471,9		1	8.500	4.011.150
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		42.471.000
-	Loại đất: LUC	m ²	471,9	45.000	2		42.471.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
		27,74	8				
C	Tổng số tiền						67.717.650

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **67.717.650 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, sáu trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

6. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thị Ánh (Thái)

- Số định danh cá nhân: 038186012273, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **96**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **721,1 m²**, Diện tích thu hồi: **721,1 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **449,1 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **272,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **721,1 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **721,1 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **100,0 %**

Số khẩu nông nghiệp: **1** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Ánh (Thái)** là: **109.237.850 đồng** (bằng chữ: Một trăm linh chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		32.449.500
-	Loại đất: LUC	m ²	721,1	45.000	1		32.449.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	6.129.350
	Lúa vụ xuân	m ²	721,1		1	8.500	6.129.350
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		64.899.000
-	Loại đất: LUC	m ²	721,1	45.000	2		64.899.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	5.760.000
		100,0	1	30	12	16.000	5.760.000
C	Tổng số tiền						109.237.850

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **109.237.850 đồng** (bằng chữ: Một trăm linh chín triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

7. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thị Hồng (Bích)

- Số định danh cá nhân: 038181008792, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **80**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **668,1 m²**, Diện tích thu hồi: **668,1 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **211,4 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **456,7 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **668,1 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **668,1 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **100,0 %**

Số khẩu nông nghiệp: **4** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Hồng (Bích)** là: **118.912.350 đồng** (bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm mười hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		30.064.500
-	Loại đất: LUC	m ²	668,1	45.000	1		30.064.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	5.678.850
	Lúa vụ xuân	m ²	668,1		1	8.500	5.678.850
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		60.129.000
-	Loại đất: LUC	m ²	668,1	45.000	2		60.129.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	23.040.000
		100,0	4	30	12	16.000	23.040.000
C	Tổng số tiền						118.912.350

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **118.912.350 đồng** (bằng chữ: Một trăm mười tám triệu, chín trăm mười hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

8. Hộ gia đình Ông (bà): Trần Văn Sự (Thủy)

- Số định danh cá nhân: 038066014353, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **81**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **1.469,9 m²**, Diện tích thu hồi: **270,5 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **270,5 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **1.469,9 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **1.469,9 m²**; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: **8** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Trần Văn Sự (Thủy)** là: **38.816.750 đồng** (bằng chữ: Ba mươi tám triệu, tám trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		12.172.500
-	Loại đất: LUC	m ²	270,5	45.000	1		12.172.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	2.299.250
	Lúa vụ xuân	m ²	270,5		1	8.500	2.299.250
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		24.345.000
-	Loại đất: LUC	m ²	270,5	45.000	2		24.345.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
		18,40	8	30		16.000	
C	Tổng số tiền						38.816.750

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **38.816.750 đồng** (bằng chữ: Ba mươi tám triệu, tám trăm mười sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

9. Hộ gia đình Ông (bà): Phạm Đình Cảnh

- Số định danh cá nhân: 038033006357, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **142**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **492,5 m²**, Diện tích thu hồi: **492,5 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **492,1 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,4 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **2.503,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **2.503,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: **6** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Phạm Đình Cảnh** là: **70.673.750 đồng** (bằng chữ: Bảy mươi triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		22.162.500
-	Loại đất: LUC	m ²	492,5	45.000	1		22.162.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	4.186.250
	Lúa vụ xuân	m ²	492,5		1	8.500	4.186.250
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		44.325.000
-	Loại đất: LUC	m ²	492,5	45.000	2		44.325.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
		19,68	6	30		16.000	
C	Tổng số tiền						70.673.750

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **70.673.750 đồng** (bằng chữ: Bảy mươi triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

10. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Tuấn Trường (Anh)

- Số định danh cá nhân: 038075001103, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **164**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **NTS**, Diện tích nguyên thửa: **216,3 m²**, Diện tích thu hồi: **21,6 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **21,6 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **216,3 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **216,3 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **9,99 %**

Số khẩu nông nghiệp: **4** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Tuấn Trường (Anh)** là: **4.332.000 đồng** (bằng chữ: *Bốn triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		864.000
-	Loại đất: NTS	m ²	21,6	40.000	1		864.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	1.740.000
	Dừa E	cây	1,0		1	700.000	700.000
	Xoan D21	cây	4,0		1	260.000	1.040.000
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		1.728.000
-	Loại đất: NTS	m ²	21,6	40.000	2		1.728.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gònd)	
		9,99	4	30		16.000	
C	Tổng số tiền						4.332.000

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **4.332.000 đồng** (bằng chữ: Bốn triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

11. Hộ gia đình Ông (bà): Lê Thị Hảo

- Số định danh cá nhân: 038173005547, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Xuân Long, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **112**, Tờ bản đồ số: **3**, Loại đất: **HNK**, Diện tích nguyên thửa: **716,4 m²**, Diện tích thu hồi: **716,4 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **706,4 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **10,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **4.541,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **4.541,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **15,8 %**

Số khẩu nông nghiệp: **6** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Lê Thị Hảo** là: **129.937.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		32.238.000
-	Loại đất: HNK	m ²	716,4	45.000	1		32.238.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	24.583.000
	Keo D20-30	cây	29,0		1	260.000	7.540.000
	Keo D10-20	cây	85,0		1,0	104.000	8.840.000
	Keo D10-20 (tự nhiên) mật độ)	cây	48,0		0,5	104.000	2.496.000
	Keo D5-10 (tự nhiên) mật độ)	cây	208,0		0,5	39.000	4.056.000
	Keo D2-5 (tự nhiên) mật độ)	cây	127,0		0,5	26.000	1.651.000
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		64.476.000
-	Loại đất: HNK	m ²	716,4	45.000	2		64.476.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gạo)	8.640.000
		15,78	6	30	3	16.000	8.640.000
C	Tổng số tiền						129.937.000

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **129.937.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

12. Hộ gia đình Ông (bà): **Nguyễn Văn Tiến**

- Số định danh cá nhân: 038083016660, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **68**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **297,0 m²**, Diện tích thu hồi: **297,0 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **297,0 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo NĐ 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **297,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **297,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **100,0 %**

Số khẩu nông nghiệp: **1** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Nguyễn Văn Tiến** là: **49.894.200 đồng** (bằng chữ: *Bốn mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm đồng*), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		13.365.000
-	Loại đất: LUC	m ²	297,0	45.000	1		13.365.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	4.039.200
	Cỏ chăn nuôi	m ²	297,0		1	13.600	4.039.200
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		26.730.000
-	Loại đất: LUC	m ²	297,0	45.000	2		26.730.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	5.760.000
		100,0 0	1	30	12	16.000	5.760.000
C	Tổng số tiền						49.894.200

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **49.894.200 đồng** (bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

13. Hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Thường**

- Số định danh cá nhân: 038148016357, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **65**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **426,4 m²**, Diện tích thu hồi: **209,5 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **209,5 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo NĐ 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **4.727,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **6.844,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **24,0 %**

Số khẩu nông nghiệp: **6** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Thường** là: **39.771.700 đồng** (bằng chữ: Ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, bảy trăm đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		9.427.500
-	Loại đất: LUC	m ²	209,5	45.000	1		9.427.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	2.849.200
	Cỏ chăn nuôi	m ²	209,5		1	13.600	2.849.200
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		18.855.000
-	Loại đất: LUC	m ²	209,5	45.000	2		18.855.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	8.640.000
		23,96	6	30	3	16.000	8.640.000
C	Tổng số tiền						39.771.700

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **39.771.700 đồng** (bằng chữ: Ba mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn, bảy trăm đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

14. Hộ gia đình Ông (bà): Bùi Thị Thường

- Số định danh cá nhân: 038148016357, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **88**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **NTS**, Diện tích nguyên thửa: **1.430,4 m²**, Diện tích thu hồi: **1.430,4 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **1.430,4 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: m²;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: m²; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Bùi Thị Thường** là: **203.478.000 đồng** (bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		57.216.000
-	Loại đất: CLN	m ²	1.430,4	40.000	1		57.216.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	31.830.000
	Chuối chưa có quả	cây	827,0		1	40.000	16.540.000
	Chuối đã có quả	cây	64,0		0,5	100.000	3.200.000
	Hỗ trợ cá (nuôi quảng canh cải tiến)	m2	900,0		1	13.000	11.700.000
	Và C (=Sung D10-15)	cây	3,0		0,5	260.000	390.000
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		114.432.000
-	Loại đất: CLN	m ²	1.430,4	40.000	2		114.432.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
C	Tổng số tiền						203.478.000

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **203.478.000 đồng** (bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

15. Hộ gia đình Ông (bà): Trịnh Vinh Hưng

- Số định danh cá nhân: 038087038596, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **12**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **CLN**, Diện tích nguyên thửa: **3.958,5 m²**, Diện tích thu hồi: **1.361,0 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **1.361,0 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **3.958,5 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **3.958,5 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **34,4 %**

Số khẩu nông nghiệp: **4** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Trịnh Vinh Hưng** là: **240.531.750 đồng** (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		61.245.000
-	Loại đất: CLN	m ²	1.361,0	45.000	1		61.245.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	45.276.750
	Bưởi D	cây	54		1	500.000	27.000.000
	Bưởi D (tỷ lệ mật độ)	cây	20		0,5	500.000	5.000.000
	Mít D	cây	7		0,5	900.000	3.150.000
	Mít B	cây	13		0,5	300.000	1.950.000
	Ổi C	cây	2		0,5	350.000	350.000
	Sầu D7	cây	3		0,5	84.500	126.750
	Bưởi C	cây	3		0,5	350.000	525.000
	Dứa gai	m ²	250		0,5	20.000	2.500.000
	Cầu D	cây	5		0,5	350.000	875.000
	Cầu A	cây	152		0,5	50.000	3.800.000
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		122.490.000
-	Loại đất: CLN	m ²	1.361,0	45.000	2		122.490.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gạo)	11.520.000
		34,38	4	30	6	16.000	11.520.000
C	Tổng số tiền						240.531.750

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **240.531.750 đồng** (bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi một triệu, bảy trăm năm mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

16. Hộ gia đình Ông (bà): Lê Thị Sinh

- Số định danh cá nhân: 038166001368, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **114**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **NTS**, Diện tích nguyên thửa: **1.722,5 m²**, Diện tích thu hồi: **859,3 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **859,3 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: **0,0 m²**), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **6.220,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **7.457,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **13,5 %**

Số khẩu nông nghiệp: **2** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Lê Thị Sinh** là: **145.951.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi một nghìn đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		34.372.000
-	Loại đất: NTS	m ²	859,3	40.000	1		34.372.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	39.955.000
	Tùng la hán A	cây	712,0		1	20.000	14.240.000
	Tùng la hán B	cây	359,0		1,0	44.000	15.796.000
	Khế B	cây	8,0		0,5	150.000	600.000
	Khế C	cây	7,0		0,5	200.000	700.000
	Cau B	cây	36,0		0,5	150.000	2.700.000
	Thông A	cây	40,0		0,5	20.000	400.000
	Mít C	cây	11,0		0,5	700.000	3.850.000
	Mít B	cây	8,0		0,5	300.000	1.200.000
	Vú sữa B	cây	3,0		0,5	200.000	300.000
	Xoan D14	cây	2,0		0,5	169.000	169.000
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		68.744.000
-	Loại đất: NTS	m ²	859,3	40.000	2		68.744.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnòđ)	2.880.000
		13,54	2	30	3	16.000	2.880.000
C	Tổng số tiền						145.951.000

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **145.951.000 đồng** (bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi một nghìn đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

17. Hộ gia đình Ông (bà): Lê Thị Sinh

- Số định danh cá nhân: 038166001368, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **67**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **440,2 m²**, Diện tích thu hồi: **150,4 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **150,4 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: m²), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: m²;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: m²; Tỷ lệ thu hồi: %

Số khẩu nông nghiệp: khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Lê Thị Sinh** là: **22.349.440 đồng** (bằng chữ: Hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		6.768.000
-	Loại đất: LUC	m ²	150,4	45.000	1		6.768.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	2.045.440
	Cỏ chăn nuôi	m ²	150,4		1	13.600	2.045.440
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		13.536.000
-	Loại đất: LUC	m ²	150,4	45.000	2		13.536.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
C	Tổng số tiền						22.349.440

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **22.349.440 đồng** (bằng chữ: Hai mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

PHỤ LỤC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB

**Dự án: Tuyến đường số 7 đô thị Lam Sơn - Sao Vàng,
xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa (tờ Đ) 3)**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-HĐBT.HT&TĐC ngày / /2026)

18. Hộ gia đình Ông (bà): Trần Xuân Hùng (Lê Thị Tuyền)

- Số định danh cá nhân: 038076025786, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Đội 4, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Đội 4, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **102**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **436,6 m²**, Diện tích thu hồi: **436,6 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **436,6 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: m²), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **436,6 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **436,6 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **100,0 %**

Số khẩu nông nghiệp: **4** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Trần Xuân Hùng (Lê Thị Tuyền)** là: **85.692.100 đồng** (bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		19.647.000
-	Loại đất: LUC	m ²	436,6	45.000	1		19.647.000
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	3.711.100
	Lúa vụ xuân	m ²	436,6		1	8.500	3.711.100
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		39.294.000
-	Loại đất: LUC	m ²	436,6	45.000	2		39.294.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gạo)	23.040.000
		100,0 0	4	30	12	16.000	23.040.000
C	Tổng số tiền						85.692.100

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **85.692.100 đồng** (bằng chữ: Tám mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)

19. Hộ gia đình Ông (bà): Lê Văn Minh (Quách Thị Hiền)

- Số định danh cá nhân: 038065008760, cấp ngày/...../....., nơi cấp:

- Địa chỉ thường trú: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Nơi ở hiện nay: Thôn Điền Trạch, xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa

- Số điện thoại:

- Thửa đất bị ảnh hưởng số: **94**, Tờ bản đồ số: **2**, Loại đất: **LUC**, Diện tích nguyên thửa: **410,3 m²**, Diện tích thu hồi: **410,3 m²** (Trong đó: Diện tích thực hiện dự án: **410,3 m²**; Diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án: m²), Nguồn gốc đất: Đất giao theo ND 64-CP.

Tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình được giao: **6.021,0 m²**;

Diện tích đã thu hồi ở các công trình khác: **0 m²**;

Tổng diện tích đất nông nghiệp còn lại: **6.625,0 m²**; Tỷ lệ thu hồi: **6,2 %**

Số khẩu nông nghiệp: **4** khẩu; Vị trí: **1**

1.1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình Ông (bà): **Lê Văn Minh (Quách Thị Hiền)** là: **60.970.580 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng), cụ thể như sau:

A	Tiền bồi thường						
1	Tiền bồi thường đất	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		18.463.500
-	Loại đất: LUC	m ²	410,3	45.000	1		18.463.500
2	Tiền bồi thường về cây cối hoa màu	ĐVT	Số lượng		Hệ số	Đơn giá	5.580.080
	Cỏ chăn nuôi	m ²	410,3		1	13.600	5.580.080
3	Tiền bồi thường về vật kiến trúc	ĐVT	Quy cách	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	
B	Tiền hỗ trợ						
1	Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	ĐVT	Diện tích thu hồi	Đơn giá	Hệ số		36.927.000
-	Loại đất: LUC	m ²	410,3	45.000	2		36.927.000
2	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất	Tỷ lệ %	Số khẩu nông nghiệp	Số lượng gạo/khẩu (kg)	Số tháng	Đơn giá gạo/kg (gnôđ)	
		6,19	4				
C	Tổng số tiền						60.970.580

1.2. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.3. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

1.5. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: 0 đồng (Không đồng)

1.6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất.

Được nhận là: **60.970.580 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, năm trăm tám mươi đồng)

1.7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư.

Phải nộp là: 0 đồng (bằng chữ: không đồng)